

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01/7/2022
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đặng Thị Mỹ Hạnh**

2. Bà **Nguyễn Thị Kiều Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ**, thư ký Tòa án nhân dân huyện C

Ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 04 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐXX – ST ngày 31 tháng 5 năm 2022 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2022/QĐST - DS ngày 14/06/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị Diệu H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp H, xã HT, huyện C, tỉnh TG.

Bị đơn:* Ông **Phạm Thái B, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp H, xã HT, huyện C, tỉnh TG.

Chị H có đơn xin vắng mặt;

Anh B vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Diệu H trình bày:*

- Về tình cảm: Tôi và anh **Phạm Thái B** chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện CG, tỉnh TG. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây cãi, chúng tôi có hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không đạt kết quả, anh B thường xuyên hành hạ, ngược đãi tôi. Do đó, tôi xác định không thể tiếp tục hôn nhân với anh B nên yêu cầu được ly hôn với anh **Phạm Thái B**

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chúng tôi có 02 con chung tên **Phạm Minh N** – sinh ngày 26/2/1996 và **Phạm Minh Q** – sinh ngày 27/10/2003. Hiện hai cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Không có. Không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn anh Phạm Thái B vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.*

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh B, do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh B có hộ khẩu thường trú tại: ấp H, xã HT, huyện C, tỉnh TG nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh TG.

[2] Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị. Riêng đối với anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là bất đồng quan điểm, thường xuyên gây cãi, chúng tôi có hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không đạt kết quả, anh B thường xuyên hành hạ, ngược đãi chị. Tòa án đã triệu tập anh B nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng anh B vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H, từ đó cho thấy anh B không muốn chung sống hay níu kéo mối quan hệ vợ chồng với chị H, do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh B.

[4] Về con chung: Có 02 con chung: tên là Phạm Minh N- sinh ngày 26/2/1996 và Phạm Minh Q- sinh ngày 27/10/2003. Hiện hai cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Diệu H.

1. Về tình cảm: Chị Võ Thị Diệu H được ly hôn với anh Phạm Thái B.

2. Án phí: Chị Võ Thị Diệu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005621 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, như vậy chị H đã thi hành xong.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Còn đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện C
- Chi cục THADS huyện C
- UBND xã HT, CG, TG
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Tuyết Hạnh

